

Phụ lục IV

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 31/BC-DLXNK

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO
Thường niên năm 2025**

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 05/08/2025.

- Các sự kiện khác:

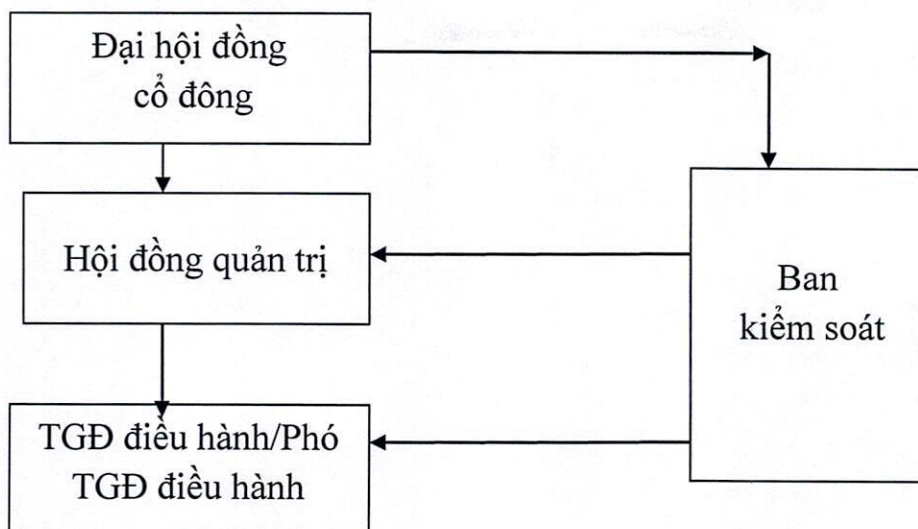
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, du lịch trong nước và quốc tế; Sản phẩm rượu Mẫu Sơn ...

- Địa bàn kinh doanh: Phường Lương Văn Tri, Phường Kỳ Lừa và Phường Tam Thanh, Tỉnh Lạng Sơn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

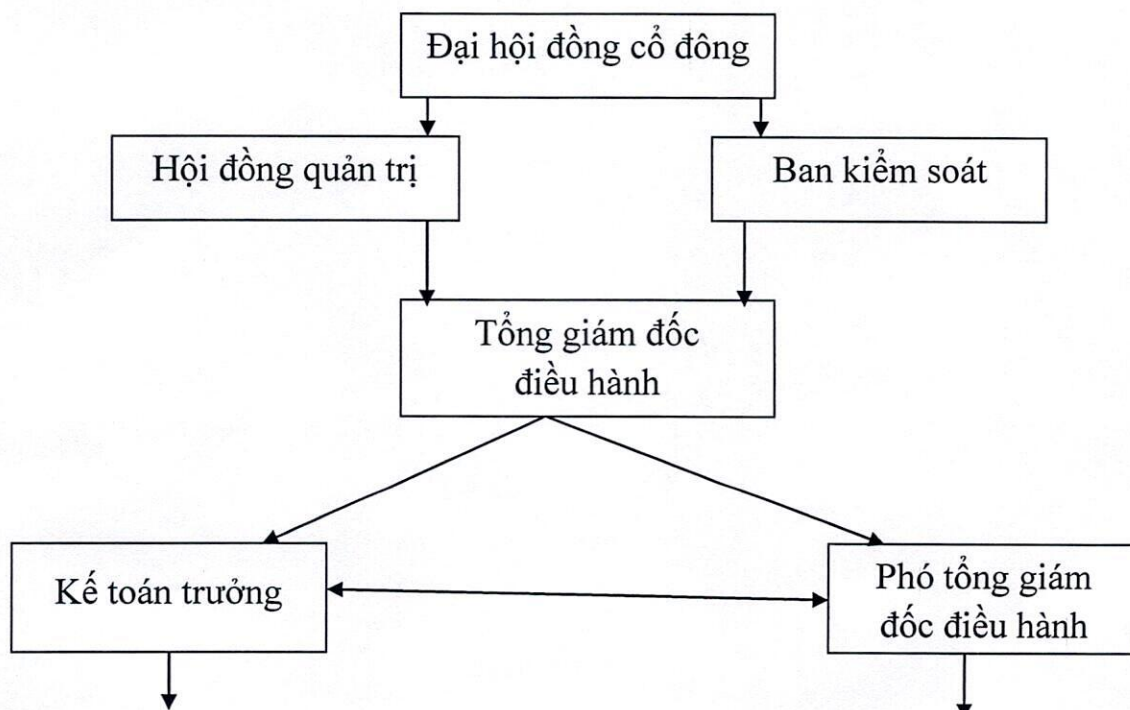
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

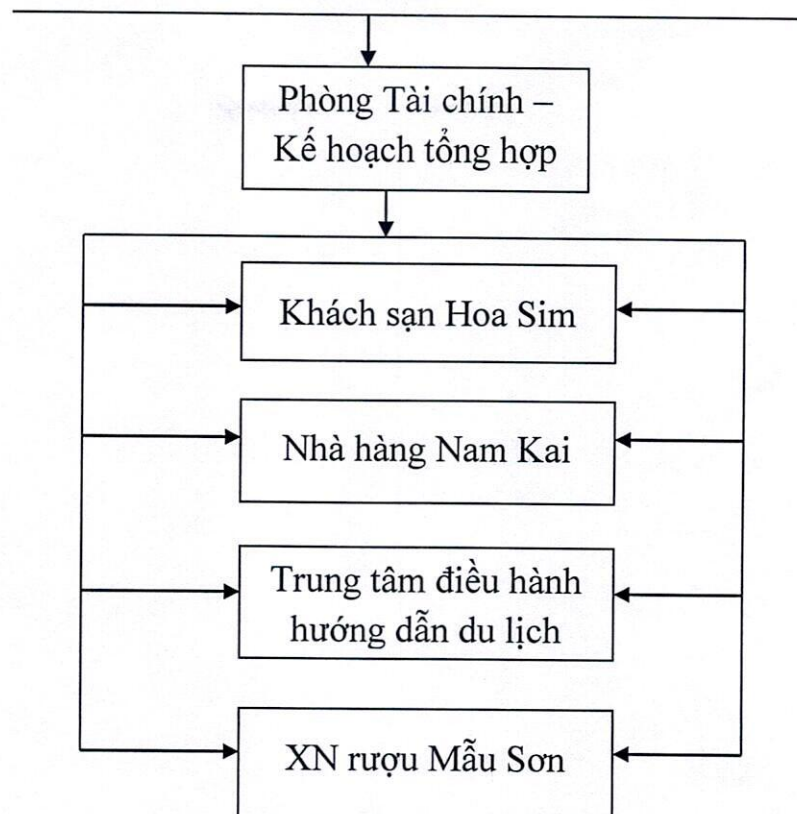
+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:





Nhà hàng Nam Kai chấm dứt hoạt động từ 21/04/2025.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, phục vụ, nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm rượu Mẫu Sơn, các tour du lịch, thực đơn mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Củng cố và phát triển thương hiệu sản phẩm, uy tín và hình ảnh công ty. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBNV người lao động.

+ Quản lý khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty.

+ Quan tâm hơn đến đời sống của CBNV người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các quyền lợi của các cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tiếp nhận thông tin, đóng góp ý kiến, xây dựng công ty, duy trì và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển kinh doanh lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, SXKD rượu Mẫu Sơn, du lịch dịch vụ lữ hành là mục tiêu hàng đầu của công ty. Tiếp tục phát triển thêm các sản phẩm rượu Mẫu Sơn; Củng cố đẩy mạnh thị trường khách du lịch nội địa và quốc tế, liên kết với các công ty lữ hành để đưa khách du lịch đi tham quan du lịch các nước Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia, Singapore, Hàn Quốc, ...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty tiếp tục tập trung phát triển các dịch vụ khách sạn- nhà hàng, du lịch và sản phẩm rượu Mẫu Sơn là những sản phẩm đã có thương hiệu của Công ty. Thực hiện bảo vệ môi trường bằng việc xử lý rác thải lỏng và rác thải rắn hàng ngày, không để tồn đọng, ủng hộ kinh phí bảo vệ môi trường của Phường, tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện trong khả năng của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro: Vẫn là kinh doanh sản phẩm rượu Mẫu Sơn nguy cơ gặp rủi ro cao, do rượu là mặt hàng không khuyến khích sử dụng, nhà nước áp thuế cao, khi sử dụng rượu không được tham gia giao thông (lái xe), nên sản phẩm rượu Mẫu Sơn của công ty cũng bị ảnh hưởng về doanh thu. Công ty đầu tư vào sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất nhưng lại có nguy cơ nằm trong quy hoạch của Tỉnh.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2025 sau thuế: 21.516.166 đồng.

Năm 2025 Công ty phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2024, đã tập trung đẩy mạnh kinh doanh. Đối với mảng khách sạn nâng cao chất lượng phục vụ, cơ sở vật chất, lượng khách lưu trú ổn định, chủ yếu là khách đi công tác, hội họp; đối với mảng nhà hàng thực đơn đã phong phú hơn, lượng khách ổn định; đối với mảng kinh doanh rượu Mẫu Sơn mặc dù gặp khó khăn do yếu tố khách quan, nhưng lượng rượu tiêu thụ vẫn ổn định, tiếp tục đưa ra thị trường loại rượu nhẹ để phục vụ khách hàng; đối với mảng du lịch kinh doanh ổn định, lượng khách vừa phải, chưa có bứt phá. Tuy nhiên công ty vẫn gặp khó khăn như mảng khách sạn nhà hàng do Lạng Sơn chưa có địa điểm du lịch thu hút được khách du lịch nghỉ lại qua đêm, nên chỉ có khách hội nghị và khách đi công tác; đối với mảng kinh doanh rượu thì do đặc thù và do quy định của nhà nước nên lượng rượu tiêu thụ cũng không tăng thêm, chỉ ở mức ổn định; đối với mảng du lịch vẫn hoạt động cầm chừng, các đoàn khách truyền thống, lâu năm vẫn tín nhiệm đi du lịch qua công ty. Tuy nhiên hoạt động du lịch không bứt phá lên được là do thiếu nhân sự quản lý (Công ty đã tuyển nhưng chưa tuyển được), mặt khác sự quản lý chưa chặt chẽ của các cơ quan liên quan quản lý du lịch của Tỉnh nên hoạt động du lịch có sự cạnh tranh không lành mạnh, ai cũng có thể làm du lịch nên đối với những công ty làm du lịch truyền thống thì lại gặp khó khăn.

Trong năm Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, việc làm, đóng bảo hiểm đúng, đủ cho người lao động theo quy định.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2024	KH 2025	TH năm 2025	% TH/KH
1	Doanh Thu	19.176.629.836	24.185.873.000	21.375.767.639	88,38%
2	Chi phí	20.757.297.086	24.351.950.000	21.354.251.473	87,69%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	-1.580.667.250	-166.077.000	21.516.166	

Lý do lợi nhuận năm 2025 có lãi so với kế hoạch: Công ty đã thực hiện tiết kiệm chi phí, chống lãng phí.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 04/2026:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 109, Đường Ngô Quyền, Phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	745.301CP	18,83

2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	590.751CP	14,92
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, Tỉnh Lạng Sơn	UV HĐQT (không điều hành)	162.897CP	4,11
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	64.843 CP	1,63%
5	Bế Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	0	0
6	Nguyễn Mai Thương	Nữ	1994	Số 1 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	Thành viên BKS	106.913CP	2,70%
7	Chu Thị Len	Nữ	1981	Phường Đông Kinh, tỉnh Lạng sơn	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính - KHTH	0	0

- Những thay đổi trong ban điều hành: Tháng 4 năm 2025 Công ty có sự thay đổi về kế toán trưởng và trưởng phòng TC-KHTH, Công ty đã kịp thời bổ nhiệm để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được thông suốt (đã báo cáo tại báo cáo thường niên năm 2024.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên 41 người, việc làm của người lao động ổn định. Người lao động được ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp đầy đủ (trừ lao động là hưu trí thì được trả vào lương), người lao động được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty thực hiện dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa nhà hàng Hoa Sim thuộc khách sạn Hoa Sim, tuy nhiên vừa xin được giấy phép xây dựng, ký hợp đồng tư vấn, thiết kế thì dự án lại nằm trong quy hoạch của Tỉnh Lạng Sơn (Nhà hàng Hoa Sim nằm trong quy hoạch khu hành chính công của Tỉnh), nên dự án cải tạo, sửa chữa nhà hàng Hoa Sim phải dừng lại.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	42.666.405.032	42.538.091.224	Tăng 0,3%
Doanh thu thuần	21.008.976.846	18.139.864.241	Tăng 15,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.146.908	-343.266.701	Tăng
Lợi nhuận khác	16.748.023	16.953.400	Giảm
Lợi nhuận trước thuế	39.293.642	-1.580.667.250	Tăng
Lợi nhuận sau thuế	21.516.166	-1.580.667.250	Tăng
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5,44	-399,37	Tăng

* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	27	26.31	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	25.57	24.55	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.03	0.029	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		0.02	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	9.47	7.54	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.49	0.42	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.001		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.0005		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0005		
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.0023		

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 08/04/2025 của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Báo cáo mua, bán cổ phần của người nội bộ, người có liên quan và cổ đông lớn năm 2025 và báo cáo của cổ đông đến tháng 03/2026, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến tháng 03/2026 cụ thể như sau:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.957.900 CP.
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.949.570 CP.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 8.330CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 04 cổ đông, nắm giữ 3.184.245 CP chiếm 80,45%
- Cổ đông nhỏ: 115 cổ đông, nắm giữ 773.655 CP chiếm 19,55%
- Cổ đông tổ chức: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760 CP chiếm 1,87%
- Cổ đông cá nhân: 117 cổ đông, nắm giữ 3.884.140 CP chiếm 98,13%

- Cổ đông trong nước: 117 cổ đông, nắm giữ 3.884.140CP chiếm 98,13%
- Cổ đông nước ngoài: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760CP chiếm 1,87%
- Cổ đông nhà nước: Không
- Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng, số lượng phát hành 268.900 CP, trị giá 2.689.000.000đồng, đối tượng chào bán: cán bộ nhân viên người lao động của công ty, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Năm 2018 chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành 1.000.000 CP, giá trị 10.000.000.000 đồng, đối tượng chào bán: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn không phát thải khí nhà kính.

Hàng năm các đơn vị chi nhánh sản xuất của công ty đều được công ty môi trường của Tỉnh Lạng Sơn đến kiểm tra, đo mức độ ô nhiễm môi trường ở khu vực hoạt động và đều được đánh giá an toàn, không xảy ra vi phạm.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính: Tổng lượng rượu Mẫu sơn sử dụng để đóng bình: 12.149,5 lít, Tổng số chai dùng để đóng rượu: 31.009 chai.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thấp sáng, thang máy, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện sử dụng là 727.263.403đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm: 121.918.763đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 04/2026 là: 41 người, mức lương trung bình đạt 5.900.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động về lao động, tiền lương, khen thưởng A,B,C cuối năm, việc làm và các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Người lao động được công ty đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần và không phát hiện bị bệnh nghề nghiệp. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, gia đình có việc hiếu, việc hỷ, gia đình gặp khó khăn đột xuất. Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn cơ sở tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày quốc tế phụ nữ 08/3 tại SAPA – Lào Cai, tổ chức Tết tất niên cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ đối với lao động trực tiếp, người lao động được đào tạo tại chỗ 02 ngày/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Trưởng phó các chi nhánh và một số lao động của công ty được cử đi tập huấn về quản lý điều hành và nâng cao tay nghề ngắn ngày do Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tổ chức để phục vụ cho công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ nông thôn mới và bảo vệ môi trường của Thành phố, ủng hộ kinh phí tôn tạo, trùng tu Đền Tả Phủ. Tổng số tiền ủng hộ là: 12.000.000đ.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, nhưng các lĩnh vực chính đang thực hiện kinh doanh là dịch vụ khách sạn – nhà hàng, du lịch lữ hành trong nước và quốc tế, sản xuất kinh doanh các sản phẩm rượu Mẫu Sơn v.v... Ban giám đốc điều hành công ty việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 đến toàn thể công ty.

Đối với mảng khách sạn nâng cao chất lượng phục vụ, cơ sở vật chất, lượng khách lưu trú ổn định, chủ yếu là khách đi công tác, hội họp; đối với mảng nhà hàng thực đơn đã phong phú hơn, lượng khách ổn định; đối với mảng kinh doanh rượu Mẫu Sơn mặc dù gặp khó khăn do yếu tố khách quan, nhưng lượng rượu tiêu thụ vẫn ổn định, tiếp tục đưa ra thị trường loại rượu nhẹ để phục vụ khách hàng; đối với mảng du lịch kinh doanh ổn định, lượng khách vừa phải, chưa có bước phá. Tuy nhiên công ty vẫn gặp khó khăn như mảng khách sạn nhà hàng do Lạng Sơn chưa có địa điểm du lịch thu hút được khách du lịch nghỉ lại qua đêm, nên chỉ có khách hội nghị và khách đi công tác; đối với mảng kinh doanh rượu thì do đặc thù và do quy định của nhà nước nên lượng rượu tiêu thụ cũng không tăng thêm, chỉ ở mức ổn định; đối với mảng du lịch vẫn hoạt động cầm

chứng, các đoàn khách truyền thống, lâu năm vẫn tín nhiệm đi du lịch qua công ty. Tuy nhiên hoạt động du lịch không bứt phá lên được là do thiếu nhân sự quản lý (Công ty đã tuyển nhưng chưa tuyển được), mặt khác sự quản lý chưa chặt chẽ của các cơ quan liên quan quản lý du lịch của Tỉnh nên hoạt động du lịch có sự cạnh tranh không lành mạnh, ai cũng có thể làm du lịch nên đối với những công ty làm du lịch truyền thống thì lại gặp khó khăn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Không có

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2025 là 42.666.405.032 đồng (Bốn mươi hai tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm linh năm nghìn, không trăm ba hai đồng).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2025	2024	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	36.2713	32.541	3.730
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	30.656	26.066	
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	300	1.900	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	3.259	2.256	
	- Hàng tồn kho	1.914	2.176	
	- Tài sản ngắn hạn khác	140	141	
2	Tài sản dài hạn	6.394	9.996	-3602
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	0	0	
	- Tài sản cố định	2.835	3.865	
	- Tài sản dở dang dài hạn	46	25	
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
	- Tài sản dài hạn	3.513	6.105	
	Tổng tài sản	42.666	42.538	128

Tổng tài sản năm 2025 tăng so với năm 2024: lý do: Mua hàng chưa thanh toán và Doanh thu nhận trước chưa thực hiện.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 1.343.295.979 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn ba triệu, hai trăm chín lăm nghìn, chín trăm bảy chín đồng), trong đó nợ ngắn hạn 1.343.295.979 đồng; nợ dài hạn: không có, không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2025 Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.

Năm 2025 Công ty giải thể chấm dứt hoạt động Nhà hàng Nam Kai do hoạt động kinh doanh không hiệu quả, công ty giao địa điểm mặt bằng kinh doanh cho Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn khai thác và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hiện nay thửa đất nhà hàng Hoa Sim đang nằm trong phương án thu hồi để tỉnh thực hiện phương án xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh, hiện tỉnh đang thực hiện các thủ tục báo cáo trình chính phủ thông qua. Phương án nhà hàng Hoa Sim bị thu hồi khi Tỉnh thực hiện dự án khu hành chính công của tỉnh Lạng Sơn, thì công ty sẽ xem xét xin thuê đất của nhà nước một địa điểm khác

làm địa điểm kinh doanh nhà hàng, hoặc tiếp tục tập trung đầu tư vào khách sạn Hoa Sim. Tiếp tục đầu tư nghiên cứu tự sản xuất rượu nguyên liệu Mẫu Sơn và nghiên cứu một số sản phẩm mới về rượu Mẫu Sơn chất lượng cao. Cùng cố hoạt động kinh doanh du lịch, nhất là thị trường khách du lịch nội địa, thị trường khách truyền thống Việt Nam xuất cảnh đi du lịch Trung Quốc và khách Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam. Nghiên cứu thị trường để đưa một số đặc sản của địa phương vào kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn.

Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn giải trình ý kiến ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2025 như sau:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 02/01/2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26/01/2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 đồng qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30/01/2024, Công ty hạch toán giảm 1,5 tỷ đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Số tiền này chủ yếu được duy trì ở quỹ tiền mặt cả năm 2024. Ngày 24/12/2024, 30/12/2024, Công ty TNHH Thảo Viên tiếp tục thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty với giá trị lần lượt là 5,5 tỷ đồng và 10 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, từ ngày 24/12/2024 đến 30/12/2024, Công ty đã sử dụng số tiền 15,5 tỷ đồng này để gửi tiết kiệm. Ngày 02/01/2025, Công ty rút 10,5 tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt với giá trị 10 tỷ đồng. Ngày 22/01/2025, Công ty hạch toán giảm 600 triệu đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng.

Công ty tiếp tục duy trì quỹ tiền mặt đến ngày 05/3/2025, Từ ngày 05/3/2025, Công ty vẫn tiếp tục các giao dịch gửi tiết kiệm có kỳ hạn, rút tiền gửi tiết kiệm trước kỳ hạn; Rút, nộp tiền gửi ngân hàng, và duy trì quỹ tiền mặt bình quân trong năm 2025 là 19,6 tỷ đồng. Sang tháng 1/2026, Công ty tiếp tục giao dịch tất toán tiền tiết kiệm và rút về quỹ tiền mặt và ngược lại khoảng 9,5 tỷ đồng. Với những tài liệu Công ty cung cấp, Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

- Giải trình lý do:

Năm 2025 Công ty vẫn thực hiện kế hoạch nhập số lượng lớn rượu nguyên liệu của Bà con Xã Công Sơn, Tỉnh Lạng Sơn nên vẫn duy trì tiền mặt tại quỹ. Nhưng vì rượu do bà con xã Công Sơn sản xuất không đáp ứng được yêu cầu về đăng ký chất lượng nên việc thu mua nguyên liệu không thực hiện được. Hiện tại tiền vẫn nằm trong quỹ của Văn phòng Công ty và 03 đơn vị chi nhánh trực thuộc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đến ngày 26/12/2025 Công ty thực hiện nộp tiền vào ngân hàng để gửi tiết kiệm là 2,0 tỷ đồng và ngày 29/12/2025 nộp vào ngân hàng để gửi tiết kiệm là 8,0 tỷ đồng.

Sang tháng 01/2026 Công ty tiếp tục giao dịch tất toán tiền tiết kiệm và rút về quỹ tiền mặt và ngược lại khoản 9,5 tỷ đồng. Các giao dịch này là công ty tất toán tiền gửi tiết kiệm và rút từ ngân hàng BIDV, Vietinbank để gửi tiết kiệm tại ngân hàng Sacombank.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, sản xuất sản phẩm rượu Mẫu Sơn từ nguyên liệu rượu bà con Xã Công Sơn đã trưng cất, những ngành nghề dịch vụ yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm cao, nên công ty rất chú trọng và được đưa lên hàng đầu và thực hiện nghiêm túc. Lượng nước tiêu thụ vào mùa hè tương đối lớn không tái chế được, năng

lượng dùng chủ yếu là điện, vào mùa hè sử dụng điều hoà tương đối nhiều, rác thải được thu gom xử lý đúng quy định. Định kỳ các cơ quan chức năng đến đo đạc về chỉ số an toàn môi trường nơi làm việc và đều đạt kết quả tốt. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội hiện hành. Người lao động tuyển mới đều được ký hợp đồng lao động, Các chế độ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương được công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, lao động được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-BNN đầy đủ. Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, chế độ và lương thưởng đều thực hiện đúng quy định. Người lao động được tạo điều kiện tham gia tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Người lao động được thăm hỏi khi ốm đau, gia đình có việc hiếu cả vật chất lẫn tinh thần, Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày quốc tế phụ nữ 8/3 tại SAPA – Lào Cai mỗi chuyến đi người lao động vừa được trải nghiệm những ẩm thực và cung cách phục vụ của nơi đến, từ đó sẽ học hỏi kinh nghiệm để ứng dụng vào nghề nghiệp của mình; nhân ngày Tết thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu Công đoàn công ty đều tổ chức tặng quà cho con của CBNV – người lao động trong công ty ...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty kinh doanh không đạt kết quả cao, nên các hoạt động cộng đồng chỉ tham gia trong khả năng của đơn vị mình, như: Ủng hộ nông thôn mới và bảo vệ môi trường của Thành phố, ủng hộ kinh phí tôn tạo, trùng tu Đền Tả Phủ. Tổng số tiền ủng hộ là: 12.000.000đ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Về nhân sự của Hội đồng quản trị: không thay đổi
- Về sản xuất kinh doanh: Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đúng quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật. Công ty đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng, du lịch và rượu Mẫu Sơn. Kết quả kinh doanh đã có lãi so với kế hoạch đề ra.
- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, rác thải đều được thu gom xử lý đúng quy định, trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với công tác xã hội Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện do địa phương tổ chức. Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động cộng đồng là: 12.000.000đồng...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2025 Ban giám đốc điều hành công ty đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động đề xuất các giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh với Hội đồng quản trị; triển khai đầy đủ kế hoạch kinh doanh và có các giải pháp để cùng Trưởng các chi nhánh triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ động mở thêm hình thức kinh doanh mới, tuyển dụng kỹ thuật có tay nghề cao phục vụ cho nhà hàng, nghiên cứu đưa ra thị trường được sản phẩm rượu mới, hoạt động sản xuất kinh doanh đã có lãi (kế hoạch xây dựng kết quả kinh doanh lỗ). Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động, không nợ đọng ngân sách, đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho người lao động, công tác an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn cháy nổ, an ninh trật tự được thực hiện tốt, không xảy ra vi phạm, tập thể cán bộ nhân viên người lao động đoàn kết, gắn bó.

Về thực hiện Phương án cải tạo, sửa chữa Nhà hàng Hoa Sim thuộc khách sạn Hoa Sim đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua: Để việc thực hiện cải tạo, sửa chữa nhà hàng, công ty đã thực hiện các bước xin giấy phép xây dựng xong và ký hợp đồng thuê tư vấn thiết kế xây dựng cơ bản và thiết kế trang trí nội thất nhà hàng, dự án đang triển khai đúng tiến

độ. Tuy nhiên Dự án phải tạm dừng lại, lý do tạm dừng vị trí thửa đất nhà hàng Hoa Sim hiện nay nằm trong phương án thu hồi để xây dựng khu hành chính công của Tỉnh, đang được UBND Tỉnh Lạng Sơn báo cáo và xin ý kiến của Thủ tướng Chính Phủ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tổ chức các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty. Hàng quý đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc để kịp thời đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra

Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, Rượu Mầu Sơn đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức trong khả năng của đơn vị.

Tìm địa điểm kinh doanh khác phù hợp để thực hiện xây dựng nhà hàng mới thay thế Nhà hàng Hoa Sim, nếu UBND Tỉnh thu hồi đất tại NH Hoa Sim khi thực hiện dự án khu hành chính công của Tỉnh, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2025 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	745.301CP	18,83%	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên; Giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại Thảo Linh Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	590.751CP	14,92%	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	162.897CP	4,11%	Thành viên không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ thành tháng, quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đầy đủ và có tính trách nhiệm cao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 08 cuộc họp, các cuộc họp đều lập thành biên bản và ban hành nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá giá sát hoạt động của Ban tổng giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày	Nội dung	Số Nghị quyết/Quyết định
1	02/01/2025	Biên bản v/v chuyển tiền từ quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng	01/BB-HĐQT
2	14/03/2025	Biên bản họp thông qua nội dung chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	03/BB-HĐQT
3	14/03/2025	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	04/NQ-HĐQT
4	14/03/2025	Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	05/QĐ-HĐQT
5	04/04/2025	Biên bản họp về giải quyết đơn xin thôi việc của Ông Lê Văn Do và bổ nhiệm kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính – KHTH công ty	06/BB-HĐQT
6	04/04/2025	Nghị quyết miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính – KHTH công ty	07/NQ-HĐQT
7	04/04/2025	Nghị quyết bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính – KHTH công ty	08/NQ-HĐQT
8	04/04/2025	Quyết định v/v giải quyết nghỉ thôi việc đối với Ông Lê Văn Do – kế toán trưởng kiêm trưởng phòng – TCKH công ty.	09/QĐ-HĐQT
9	04/04/2025	Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng kiêm trưởng phòng – TCKH công ty.	10/QĐ-HĐQT
10	14/04/2025	Biên bản họp về giải thể nhà hàng Nam Kai	11/BB-HĐQT
11	14/04/2025	Nghị quyết giải thể nhà hàng Nam Kai	12/NQ-HĐQT
12	14/04/2025	Quyết định giải thể nhà hàng Nam Kai	13/QĐ-HĐQT
13	24/05/2025	Biên bản họp v/v thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và chốt thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	14/BB-HĐQT
14	24/05/2025	QĐ bổ sung thành viên Ban tổ chức đại hội, ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	14a/QĐ-HĐQT
15	10/11/2025	Biên bản về việc xem xét phê duyệt ký hợp đồng tư vấn thiết kế cải tạo nhà hàng Hoa Sim	22/BB-HĐQT
16	10/11/2025	Nghị quyết phê duyệt ký hợp đồng tư vấn thiết kế cải tạo nhà hàng Hoa Sim	23/NQ-HĐQT
17	22/11/2025	Biên bản họp phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	24/BB-HĐQT
18	22/11/2025	Nghị quyết phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	25/NQ-HĐQT
19	31/12/2025	Biên bản họp phê duyệt kết quả xét phân loại lao động, thi đua khen thưởng, nâng lương, ký hợp đồng lao động năm 2025	26/BB-HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết(%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	64.843	1,63	
2	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	0	0	
3	Nguyễn Mai Thương	Ủy viên ban kiểm soát	106.913	2,7	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Năm 2025 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

+ Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm thẩm định báo cáo tài chính năm 2024, thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội thường niên năm 2025; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và giám sát quản lý điều hành của Ban giám đốc. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2025:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	154.152.785	6.000.000	36.000.0000	0	196.152.785
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	182.977.290	7.000.000	30.000.000		219.977.290
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	0	0	30.000.000		30.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	0	0	21.600.000		21.600.000
5	Bế Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	88.554.616	1.500.000	18.000.000		108.054.616

6	Nguyễn Mai Thương	Ủy viên BKS	0	0	18.000.000		18.000.000
7	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT (Miễn nhiệm, nghỉ việc từ 04/4/2025)	43.749.943	0	0		43.749.943
8	Chu Thị Len	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT (Bỏ nhiệm, từ 04/4/2025)	89.166.152	5.000.000	0		94.166.152
Tổng cộng			558.600.786	19.500.000	153.600.000	0	731.700.786

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn:*

Trong năm 2025 cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn thực hiện giao dịch mua, bán cổ phần như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Đậu Trường Sinh	Người nội bộ, Cổ đông lớn	558.042	14,099%	590.751	14,92%	Mua cổ phần
2.	Lê Văn Do	Người nội bộ	500	0,01%	0		Bán cổ phần
3.	Bế Thị Thu Hương	Người nội bộ	500	0,01%	0		Bán cổ phần
4.	Đỗ Thu Văn	Người có liên quan	100	0.0025%	0		Bán cổ phần
5.	Nguyễn Thu Trang	Người có liên quan, cổ đông lớn	200.000	5,053%	0		Bán cổ phần
6.	Nguyễn Kim Thảo	Người nội bộ, cổ đông lớn	784.301	19,616%	745.301	18,83%	Bán cổ phần

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không

d) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

e) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên trang điện tử của Công ty kịp thời, đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngày 02/01/2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ đồng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26/01/2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 đồng qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30/01/2024, Công ty hạch toán giảm 1,5 tỷ đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Số tiền này chủ yếu được duy trì ở quỹ tiền mặt cả năm 2024. Ngày 24/12/2024, 30/12/2024, Công ty TNHH Thảo Viên tiếp tục thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty với giá trị lần lượt là 5,5 tỷ đồng và 10 tỷ đồng qua tài khoản ngân hàng, từ ngày 24/12/2024 đến 30/12/2024, Công ty đã sử dụng số tiền 15,5 tỷ đồng này để gửi tiết kiệm. Ngày 02/01/2025, Công ty rút 10,5 tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm, đồng thời hạch

toán tăng tài khoản tiền mặt với giá trị 10 tỷ đồng. Ngày 22/01/2025, Công ty hạch toán giảm 600 triệu đồng trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng.

Công ty tiếp tục duy trì quỹ tiền mặt đến ngày 05/3/2025, Từ ngày 05/3/2025, Công ty vẫn tiếp tục các giao dịch gửi tiết kiệm có kỳ hạn, rút tiền gửi tiết kiệm trước kỳ hạn; Rút, nộp tiền gửi ngân hàng, và duy trì quỹ tiền mặt bình quân trong năm 2025 là 19,6 tỷ đồng. Sang tháng 1/2026, Công ty tiếp tục giao dịch tất toán tiền tiết kiệm và rút về quỹ tiền mặt và ngược lại khoảng 9,5 tỷ đồng. Với những tài liệu Công ty cung cấp, Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
6259-2023-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

						Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025	
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36,271,818,504	32,541,973,067	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	30,656,878,541	26,066,730,488	
1	Tiền	111		11,856,878,541	9,566,730,488	
2	Các khoản tương đương tiền	112		18,800,000,000	16,500,000,000	
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300,000,000	1,900,000,000	
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	300,000,000	1,900,000,000	
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,259,815,605	2,256,492,542	
I						
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	1,512,083,000	630,399,000	
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	292,200,000	33,000,000	
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1,455,532,605	1,593,093,542	
IV	Hàng tồn kho	140	V.6.	1,914,853,958	2,176,775,288	
1	Hàng tồn kho	141		1,914,853,958	2,176,775,288	
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		140,270,400	141,974,749	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	27,044,942	28,749,291	
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	113,225,458	113,225,458	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6,394,586,528	9,996,118,157	
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	
II	Tài sản cố định	220		2,835,132,368	3,865,774,424	
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	2,835,132,368	3,865,774,424	
-	Nguyên giá	222		26,605,592,005	26,605,592,005	
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23,770,459,637)	(22,739,817,581)	
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	-	-	
-	Nguyên giá	228		97,500,000	97,500,000	
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97,500,000)	(97,500,000)	
II	Bất động sản đầu tư	230		-	-	
I						
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		46,296,296	25,000,000	
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	46,296,296	25,000,000	
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	
VI	Tài sản dài hạn khác	260		3,513,157,864	6,105,343,733	
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	3,513,157,864	6,105,343,733	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		42,666,405,032	42,538,091,224	

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,343,295,979	1,236,498,337
I	Nợ ngắn hạn	310		1,343,295,979	1,236,498,337
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	136,415,984	60,846,943
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	-	18,000,000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	576,541,998	341,294,339
4	Phải trả người lao động	314		149,984,419	141,979,235
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15.	85,151,516	217,575,758
6	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	82,852,471	82,852,471
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		312,349,591	373,949,591
II	Nợ dài hạn	330		-	-
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41,323,109,053	41,301,592,887
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	41,323,109,053	41,301,592,887
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39,579,000,000	39,579,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39,579,000,000	39,579,000,000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		2,590,124,234	2,590,124,234
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(846,015,181)	(867,531,347)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(867,531,347)	(91,887,855)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21,516,166	(775,643,492)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		42,666,405,032	42,538,091,224

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Chu Thị Len

Kế toán trưởng



Chu Thị Len

Tổng Giám đốc



Đậu Trường Sinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	21,008,976,846	18,139,864,241
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		21,008,976,846	18,139,864,241
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	18,141,523,394	16,415,850,107
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2,867,453,452	1,724,014,134
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	350,042,770	1,019,812,195
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6.	83,007,914	48,790,387
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	3,085,341,400	3,038,302,643
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		49,146,908	(343,266,701)
11.	Thu nhập khác	31	VI.4.	16,748,023	16,953,400
12.	Chi phí khác	32	VI.5.	26,601,289	1,254,353,949
13.	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(9,853,266)	(1,237,400,549)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		39,293,642	(1,580,667,250)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	17,777,476	-
16.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21,516,166	(1,580,667,250)
17.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	5.44	(399.37)

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Chu Thị Len

Chu Thị Len

Đậu Trường Sinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22,311,271,359	20,244,328,594
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12,588,592,446)	(17,929,417,181)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,888,893,153)	(2,619,731,751)
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(17,777,476)	(145,317,821)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,002,917,707	3,018,360,861
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6,203,532,851)	(6,545,123,515)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2,615,393,140	(3,976,900,813)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21,296,296)	(25,000,000)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,500,000,000)	(3,600,000,000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12,100,000,000	2,569,253,000
4.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16,276,691,592
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		396,051,209	1,522,273,938
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,974,754,913	16,743,218,530
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(118,750,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(118,750,000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4,590,148,053	12,647,567,717
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26,066,730,488	13,419,162,771
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	30,656,878,541	26,066,730,488

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Chu Thị Len

Kế toán trưởng

Chu Thị Len

Tổng Giám đốc



Đậu Trường Sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/3/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11/3/2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 05/8/2025 thì vốn điều lệ của Công ty là **39.579.000.000 đồng** (Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là DXL

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;
- Bán buôn thực phẩm.

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên	Địa chỉ
1. Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
2. Khách sạn Hoa Sim - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Lương Văn Tri, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

3. Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn	Số 126, đường Bắc Sơn, Phường Kỳ Lừa, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
4. Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (*)	Số 53 đường Lương Văn Chi, phường Kỳ Lừa, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

(*) Đã giải thể hoạt động kinh doanh của Nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn kể từ ngày 21/4/2025 theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 15/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 41 người (Tại ngày 31/12/2024: 49 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong trường hợp là hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí sửa chữa Khách sạn Hoa Sim, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê địa điểm kinh doanh; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê mặt bằng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán rượu, cung cấp dịch vụ nhà hàng, khách sạn và du lịch.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 17% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh cung cấp dịch vụ khách sạn và chủ yếu được phân phối trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V.Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
Tiền		11,856,878,541	9,566,730,488
Tiền mặt		10,464,964,820	8,825,020,769
Tiền gửi ngân hàng		1,391,913,721	741,709,719
Các khoản tương đương tiền		18,800,000,000	16,500,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)		8,800,000,000	16,500,000,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lạng Sơn (**)		10,000,000,000	-
Cộng		30,656,878,541	26,066,730,488

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn với số tiền 8.800.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/năm, kỳ hạn 1 đến 3 tháng, trả lãi cuối kỳ.

(**) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Lạng Sơn với số tiền 10.000.000.000 đồng, lãi suất 4,75%/năm, kỳ hạn 1 tháng, trả lãi cuối kỳ.

2. Các khoản đầu tư tài chính				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
		31/12/2025		01/01/2025
		VND		VND
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
				Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn (*)	300,000,000	300,000,000	1,900,000,000	1,900,000,000
Cộng	300,000,000	300,000,000	1,900,000,000	1,900,000,000
(*) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, phương thức trả lãi cuối kỳ, lãi suất 4%/năm.				

3. Phải thu của khách hàng				
		31/12/2025		01/01/2025
		VND		VND
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị
				Dự phòng
Ngắn hạn				
Sở lao động thương binh Xã hội tỉnh Lạng Sơn	-	-	100,980,000	-
Công ty Bảo Minh Lạng Sơn	338,480,000	-	-	-
Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn	165,780,000	-	-	-
Ban tuyên giáo tỉnh uỷ Lạng Sơn	-	-	44,850,000	-
Đoàn Nghệ Thuật Dân Tộc Tỉnh Lạng Sơn	-	-	72,550,000	-
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn	221,180,000	-	-	-
Các đối tượng khác	786,643,000	-	412,019,000	-
Cộng	1,512,083,000	-	630,399,000	-

4. Trả trước cho người bán				31/12/2025	01/01/2025
				VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>					
Công ty CP Kiến Trúc và Xây Dựng D.O.O.R.W.A.Y.				259,200,000	-
Đối tượng khác				33,000,000	33,000,000
Cộng				292,200,000	33,000,000
5. Phải thu khác					
				31/12/2025	01/01/2025
				VND	VND
				Giá trị	Dự phòng
				Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>					
Phải thu khác		655,532,605	-	793,093,542	-
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào</i>		655,532,605	-	747,085,103	-
<i>Đối tượng khác</i>		-	-	46,008,439	-
Ký cược, ký quỹ (*)		800,000,000	-	800,000,000	-
Cộng		1,455,532,605	-	1,593,093,542	-
(*) Ký quỹ các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2%/năm và 6,7%/năm.					
<i>b) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3</i>					
6. Hàng tồn kho					
				31/12/2025	01/01/2025
				VND	VND
				Giá gốc	Dự phòng
				Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu		1,473,651,350	-	1,719,871,727	-
Công cụ, dụng cụ		1,120,129	-	-	-
Thành phẩm		436,026,437	-	422,132,626	-
Hàng hóa		4,056,042	-	34,770,935	-
Cộng		1,914,853,958	-	2,176,775,288	-
7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình					
					Đơn vị tính: VND
Khoản mục				Phần mềm quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2025				97,500,000	97,500,000
Số dư ngày 31/12/2025				97,500,000	97,500,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2025				97,500,000	97,500,000
Số dư ngày 31/12/2025				97,500,000	97,500,000
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2025				-	-
Tại ngày 31/12/2025				-	-
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.500.000 VND (Tại ngày 31/12/2024 là: 97.500.000 đồng)					

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2025	20,782,267,729	3,802,159,266	1,911,165,010	110,000,000	26,605,592,005
Số dư ngày 31/12/2025	20,782,267,729	3,802,159,266	1,911,165,010	110,000,000	26,605,592,005
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2025	18,041,210,509	2,975,346,143	1,613,260,929	110,000,000	22,739,817,581
Khấu hao trong năm	688,527,240	209,712,996	132,401,820	-	1,030,642,056
Số dư ngày 31/12/2025	18,729,737,749	3,185,059,139	1,745,662,749	110,000,000	23,770,459,637
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2025	2,741,057,220	826,813,123	297,904,081	-	3,865,774,424
Tại ngày 31/12/2025	2,052,529,980	617,100,127	165,502,261	-	2,835,132,368
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.994.135.522 VND (Tại ngày 31/12/2024: 10.994.135.522 VND)					

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
Công trình nhà hàng Hoa Sim			46,296,296	25,000,000
Cộng			46,296,296	25,000,000

10. Chi phí trả trước			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>			<i>27,044,942</i>	<i>28,749,291</i>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ			27,044,942	28,749,291
<i>b) Dài hạn</i>			<i>3,513,157,864</i>	<i>6,105,343,733</i>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ			649,023,689	1,099,400,155
Chi phí sửa chữa khách sạn Hoa Sim			2,742,715,255	4,320,526,403
Chi phí sửa chữa khác			121,418,920	685,417,175
Cộng			3,540,202,806	6,134,093,024

11. Phải trả người bán				
	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lạng Sơn	109,016,684	109,016,684	-	-
Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	-	-	57,846,943	57,846,943
Đối tượng khác	27,399,300	27,399,300	3,000,000	3,000,000
Cộng	136,415,984	136,415,984	60,846,943	60,846,943

12. Người mua trả tiền trước			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Sở Văn hoá thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn			-	18,000,000
Cộng			-	18,000,000

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	290,128,474	1,396,273,512	1,159,949,069	526,452,917
Thuế tiêu thụ đặc biệt	49,028,577	445,466,479	447,499,130	46,995,926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17,777,476	17,777,476	-
Thuế thu nhập cá nhân	2,137,288	6,794,210	5,838,345	3,093,153
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	534,603,054	534,603,052	2
Các loại thuế khác	-	1,000,000	1,000,000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13,599,288	13,599,288	-
Cộng	341,294,339	2,415,514,019	2,180,266,360	576,541,998
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113,225,458	-	-	113,225,458
Cộng	113,225,458	-	-	113,225,458

14. Phải trả khác				
			31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn				
Bảo hiểm xã hội			5,698,180	5,698,180
Nhận ký quỹ ký cược			30,000,000	30,000,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.			47,154,291	47,154,291
Cộng			82,852,471	82,852,471

15. Doanh thu chưa thực hiện				
			31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn				
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh			85,151,516	217,575,758
Cộng			85,151,516	217,575,758

16. Vốn chủ sở hữu				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
				Đơn vị tính: VND
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	39,579,000,000	3,395,147,734	(91,887,855)	42,882,259,879
Lỗ trong năm trước	-	-	(1,580,667,250)	(1,580,667,250)
Tăng khác		-	805,023,758	805,023,758
Giảm khác	-	(805,023,500)	-	(805,023,500)
Số dư tại ngày 31/12/2024	39,579,000,000	2,590,124,234	(867,531,347)	41,301,592,887
Lãi trong năm nay	-	-	21,516,166	21,516,166
Số dư tại ngày 31/12/2025	39,579,000,000	2,590,124,234	(846,015,181)	41,323,109,053

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>				
			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
Nguyễn Kim Thảo			7,843,010,000	7,843,010,000
Nguyễn Thị Tú Oanh			11,450,000,000	10,000,000,000
Nguyễn Văn Thanh			7,031,930,000	7,031,930,000
Đậu Trường Sinh			5,580,420,000	4,500,420,000
Các cổ đông khác			7,673,640,000	10,203,640,000
Cộng			39,579,000,000	39,579,000,000

<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			39,579,000,000	39,579,000,000
Vốn góp đầu năm			39,579,000,000	39,579,000,000
Vốn góp tăng trong năm			-	-
Vốn góp giảm trong năm			-	-
Vốn góp cuối năm			39,579,000,000	39,579,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			-	-

<i>d) Cổ phiếu</i>				
			31/12/2025	01/01/2025
			Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			3,957,900	3,957,900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng			3,957,900	3,957,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			3,957,900	3,957,900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			3,957,900	3,957,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			3,957,900	3,957,900
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu				

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<i>a) Doanh thu</i>				
Doanh thu bán hàng			1,439,424,520	1,691,652,365
Doanh thu cung cấp dịch vụ			19,569,552,326	16,448,211,876
Cộng			21,008,976,846	18,139,864,241
<i>b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.3</i>				
2. Giá vốn hàng bán				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Giá vốn bán hàng			836,844,036	469,127,963
Giá vốn cung cấp dịch vụ			17,304,679,358	15,946,722,144
Cộng			18,141,523,394	16,415,850,107

3. Doanh thu hoạt động tài chính				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	Lãi tiền gửi		350,042,770	92,539,763
	Tiền thu từ hợp tác kinh doanh		-	927,272,432
	Cộng		350,042,770	1,019,812,195
4. Thu nhập khác				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	Thu nhập khác		16,748,023	16,953,400
	Cộng		16,748,023	16,953,400
5. Chi phí khác				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	Chi phí phạt thuế		13,599,288	325,518,626
	Chi phí dự án ngừng triển khai		-	635,490,455
	Xử lý hàng tồn kho bị hư hỏng		-	276,024,868
	Chi phí khác		13,002,001	17,320,000
	Cộng		26,601,289	1,254,353,949
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		<i>83,007,914</i>	<i>48,790,387</i>
	Chi phí nhân viên		68,317,673	48,790,387
	Chi phí bằng tiền khác		14,690,241	-
	<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		<i>3,085,341,400</i>	<i>3,038,302,643</i>
	Chi phí nhân viên quản lý		2,178,900,527	1,890,054,477
	Chi phí đồ dùng văn phòng		12,840,809	-
	Chi phí khấu hao Tài sản cố định		132,401,820	162,288,316
	Thuế, phí và lệ phí		16,428,878	19,428,876
	Chi phí dịch vụ mua ngoài		490,071,096	721,480,093
	Chi phí bằng tiền khác		254,698,270	245,050,881
	Cộng		3,168,349,314	3,087,093,030
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố				
			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu		9,151,185,063	9,097,543,095
	Chi phí nhân công		4,035,613,623	4,248,268,342
	Chi phí khấu hao tài sản cố định		1,030,642,056	1,120,546,708
	Chi phí dịch vụ mua ngoài		2,906,770,781	1,991,524,303
	Chi phí khác bằng tiền		3,149,458,553	2,627,879,584
	Cộng		20,273,670,076	19,085,762,032

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp			39,293,642	(1,580,667,250)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp			-	276,024,868
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động			(39,293,642)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp			-	(1,304,642,382)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			17%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành			-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay			17,777,476	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành			17,777,476	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp			21,516,166	(1,580,667,250)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			21,516,166	(1,580,667,250)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			3,957,900	3,957,900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			5.44	(399.37)
Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.				

VII. Những thông tin khác

1. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan			
Bên liên quan		Mối quan hệ	
Nguyễn Kim Thảo		Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	
Công ty TNHH Thảo Viên		Công ty mà bà Nguyễn Kim Thảo là Giám đốc	
Vũ Mộng Nương		Thành viên HĐQT	
Đậu Trường Sinh		Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	
Lê Văn Do		Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 04/4/2025)	
Chu Thị Len		Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 04/4/2025)	
Đỗ Thu Huyền		Trưởng BKS	
Bế Thị Thu Hương		Thành viên BKS	
Nguyễn Mai Thương		Thành viên BKS	

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:			
		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH Thảo Viên		-	156,210,000
Thu tiền từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ			
Công ty TNHH Thảo Viên		-	171,831,000
Thu tiền từ hoạt động hợp tác đầu tư			
Công ty TNHH Thảo Viên		-	17,752,434,206

b) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt			
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:			
		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Lương của Ban Tổng giám đốc		337,130,075	277,415,781
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		96,000,000	96,000,000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát		57,600,000	57,600,000
Lương của kế toán trưởng		132,916,095	112,919,417
Cộng (*)		623,646,170	543,935,198

(*) Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Đậu Trường Sinh	Tổng giám đốc	182,977,290	155,715,622
Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng giám đốc	154,152,785	121,700,159
Chu Thị Len	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm từ ngày 04/4/2025)	89,166,152	-
Lê Văn Do	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 04/4/2025)	43,749,943	112,919,417
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị			
Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch	36,000,000	36,000,000
Vũ Mộng Nương	Thành viên	30,000,000	30,000,000
Đậu Trường Sinh	Thành viên	30,000,000	30,000,000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát			
Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban	21,600,000	21,600,000
Bế Thị Thu Hương	Thành viên	18,000,000	18,000,000
Nguyễn Mai Thương	Thành viên	18,000,000	18,000,000
Cộng		623,646,170	543,935,198

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập biểu



Chu Thị Len

Kế toán trưởng



Chu Thị Len



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đậu Trường Sinh